

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
THÀNH PHỐ LAI CHÂU – TỈNH LAI CHÂU

TP Lai Châu, năm 2024

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, tại Chương III, Điều 54 đã xác định “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Điều 12 của Luật Đất đai năm 2024 quy định “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.”, theo đó tại Khoản 2, Điều 13 quy định về quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu về đất đai khi “Quyết định mục đích sử dụng đất thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.”. Đồng thời Khoản 1, Điều 5 của Luật đất đai năm 2024 quy định Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo nguyên tắc “Đúng mục đích sử dụng đất”.

Lập, điều chỉnh, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp tạo ra những điều kiện cần thiết phục vụ quản lý nhà nước về đất đai. Đây là một trong 18 nội dung quản lý nhà nước về đất đai đã được quy định trong Luật Đất đai năm 2024 (Khoản 6, Điều 20). Luật Đất đai 2024 dành toàn bộ Chương V “Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” gồm 18 điều (từ Điều 60 đến Điều 77) đề cập về nội dung lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, các ngành trong công tác xây dựng, xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đai. Trong Chương V, tại Điều 67 về Kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện có nêu căn cứ lập KHSDĐ, tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên trong KHSDĐ cấp huyện và nội dung KHSDĐ hằng năm cấp huyện. Nhằm cụ thể hơn nhiệm vụ lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, tại Điều 21 về Kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP có quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều khoản về Điều 67, Điều 78, Điều 79, Điều 121, Điều 116 của Luật Đất đai năm 2024.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất đai năm 2025 có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi phân kỳ quy hoạch sử dụng đất theo thời gian để thực hiện, là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất... và đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Đồng thời việc lập kế hoạch sử dụng đất là một biện pháp hữu hiệu của Nhà nước nhằm sử dụng đất hiệu quả, giúp phát triển, quản lý và khai thác quỹ đất theo quy hoạch sử dụng đất được chặt chẽ, sử dụng đất đúng mục đích, công khai, minh bạch, hợp lý; bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ tái định cư, an sinh xã hội.

Thành phố Lai Châu đã lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 29/05/2024.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, được sự chỉ đạo từ UBND tỉnh, hướng dẫn chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Lai Châu tổ chức thực hiện lập “**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu**” nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu về đất cho những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả theo đúng các quy định của Luật Đất đai.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 09/3/2022;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh; số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh; số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022; Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 37/NQ-HĐHD ngày 11/9/2023; Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023;

- Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thành phố Lai Châu và vùng phụ cận đến năm 2035;

- Quyết định 2326/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thành phố Lai Châu và vùng phụ cận đến năm 2035;
- Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu 3, thành phố Lai Châu;
- Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu 1, thành phố Lai Châu;
- Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Lai Châu;
- Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 29/05/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
- Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã San Thàng thành phố Lai Châu đến năm 2035;
- Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Sùng Phài thành phố Lai Châu đến năm 2035;
- Văn bản số 2680/STNMT-ĐDB ngày 10/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường V/v tổng hợp danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện;
- Văn bản số 4585/UBND-TNMT ngày 17/10/2024 của UBND thành phố Lai Châu về việc tổng hợp danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn thành phố Lai Châu;
- Văn bản số 3140/UBND-TNMT ngày 30/8/2024 của UBND thành phố Lai Châu về việc giao nhiệm vụ lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm thành phố Lai Châu;
- Thông báo Kết luận của đồng chí PCT UBND thành phố.
- Danh mục đầu tư công năm 2025 thành phố Lai Châu;
- Hồ sơ thống kê đất đai các xã, phường và thành phố năm 2023;
- Hồ sơ địa chính chính quy của các xã, phường;
- Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất; trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; nhu cầu sử dụng đất của cấp xã, cơ quan, đơn vị, sở ngành tỉnh, thành phố.

II. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thành phố Lai Châu

Tổng diện tích tự nhiên của thành phố năm 2024 là 9.687,99 ha. Trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp 7.025,15 ha, chiếm 72,51% tổng diện tích.
- Diện tích đất phi nông nghiệp 1.238,63 ha, chiếm 12,79% tổng diện tích.
- Diện tích đất chưa sử dụng 1.424,21 ha, chiếm 14,70% tổng diện tích.

Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thành phố Lai Châu

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		9.687,99	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	7.025,15	72,51
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.027,98	10,61
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	0,42	0,00
1.1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	1.027,56	10,61
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.993,01	20,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	806,37	8,32
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.179,49	22,50
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	882,94	9,11
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	121,60	1,26
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	13,77	0,14
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.238,63	12,79
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	73,33	0,76
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	177,69	1,83
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	28,22	0,29
2.4	Đất quốc phòng	CQP	63,32	0,65
2.5	Đất an ninh	CAN	50,82	0,52
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	166,05	1,71
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	13,44	0,14
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	8,93	0,09
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	18,56	0,19
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	99,26	1,02
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	4,21	0,04
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	21,64	0,22
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	72,69	0,75
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	48,69	0,50
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,03	0,02

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	21,98	0,23
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	481,38	4,969
-	Đất công trình giao thông	DGT	360,33	3,719
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	35,55	0,367
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	10,08	0,104
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	3,14	0,03
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	6,91	0,07
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	5,43	0,06
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,90	0,02
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,96	0,04
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	54,07	0,56
2.9	Đất tôn giáo	TON	4,27	0,04
2.1	Đất tín ngưỡng	TIN	1,51	0,02
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	31,57	0,33
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	78,66	0,81
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	9,11	0,09
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.424,21	14,70
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	74,88	0,77
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	1.295,07	13,37
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	54,25	0,56

2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Lai Châu được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 29/5/2024. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Lai Châu cụ thể như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt 6.869,21 ha, kết quả thực hiện 7.025,15 ha, còn 155,95 ha chưa thực hiện chiếm tỷ lệ 97,78%.

- Diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt 1.431,53 ha, kết quả thực hiện 1.238,63 ha, còn lại 192,90 ha chưa thực hiện, chiếm tỷ lệ 86,52%.

- Diện tích đất chưa sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt 1.387,25 ha, kết quả thực hiện 1.424,21 ha, còn lại 36,96 ha chưa thực hiện, chiếm tỷ lệ 97,40%.

Bảng 02: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)=(5)/(4)*100%
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		9.687,99	9.687,99		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.869,21	7.025,15	-155,95	97,78
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.004,15	1.027,98	-23,82	97,68
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	0,42	0,42		100,00
1.1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	1.003,61	1.027,56	-23,94	97,67
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.929,34	1.993,01	-63,68	96,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	762,81	806,37	-43,55	94,60
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.178,52	2.179,49	-0,97	99,96
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	868,57	882,94	-14,37	98,37
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	111,84	121,60	-9,76	91,97
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	13,98	13,77	0,21	98,50
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.431,53	1.238,63	192,90	86,52
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	77,14	73,33	3,81	95,06
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	207,51	177,69	29,82	85,63
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	28,12	28,22	-0,10	100,37
2.4	Đất quốc phòng	CQP	71,25	63,32	7,93	88,87
2.5	Đất an ninh	CAN	51,76	50,82	0,94	101,85
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	166,20	166,05	0,15	99,91
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	14,85	13,44	1,41	90,50
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	8,93	8,93		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	18,64	18,56	0,08	100,43
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	104,58	99,26	5,32	94,92
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	19,20	4,21	14,99	21,93
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK		21,64	-21,64	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	60,13	72,69	-12,56	120,88
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	58,16	48,69	9,47	83,72
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,98	2,03	-0,05	97,53
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	21,98	21,98		100,00
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	606,07	481,38	124,69	79,43
-	Đất công trình giao thông	DGT	427,57	360,33	67,24	84,27
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	74,01	35,55	38,45	48,04
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		10,08	-10,08	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	3,14	3,14		100,00
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	10,21	6,91	3,30	67,69

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	10,49	5,43	5,06	51,75
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,02	1,90	0,12	106,10
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,96	3,96		100,00
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	74,67	54,07	20,60	72,41
2.9	Đất tôn giáo	TON	4,27	4,27		100,00
2.1	Đất tín ngưỡng	TIN	1,49	1,51	-0,02	98,67
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	31,57	31,57	0,00	99,99
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	26,21	78,66	-52,45	33,32
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		9,11	-9,11	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.387,25	1.424,21	-36,96	97,40

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 29/5/2024;

(**): Chỉ tiêu sử dụng đất ước thực hiện đến 31/12/2024.

2.2.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

Bảng 03: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng CMD được duyệt năm 2024 (ha)	Diện tích đã CMD (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4) *100
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	153,38	1,51	0,98
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	22,13	0,07	0,32
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	63,13	0,61	0,97
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	44,38	0,83	1,87
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	14,37		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	9,27		
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp				
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	4,81		

* Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 153,38 ha; đã thực hiện chuyển mục đích được 1,51 ha, đạt 0,98%. Trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 22,13 ha, kết quả thực hiện 0,07 ha, đạt 0,32% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 63,13 ha, kết quả thực hiện 0,61 ha, đạt 0,97% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 44,38 ha, kết quả thực hiện 0,83 ha, đạt 1,87% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 14,37 ha, kết quả chưa thực hiện được.

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 9,27 ha, kết quả chưa thực hiện được.

* Kết quả thực hiện chuyển mục đích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 4,81 ha; kết quả chưa thực hiện được.

2.2.3. Kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024 được duyệt là 120,61 ha để chuyển sang đất phi nông nghiệp; kết quả thực hiện 0,07 ha, đạt 0,06% so với kế hoạch được duyệt.

2.2.4. Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Lai Châu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 29/5/2024, có tổng số 144 công trình dự án với diện tích là 279,97 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2024 trên địa bàn thành phố Lai Châu như sau:

- Đã thực hiện được 05/144 công trình dự án, đạt 3,47% tổng số dự án được duyệt, cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư
1	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Sin Chải, xã Sùng Phài	DGT	0,44	0,24	0,20	Xã Sùng Phài	UBND xã
2	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải, và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Số 4.2, 450m2/hộ, 5.1, thành phố Lai Châu	DNL	0,10		0,10	P. Tân Phong, P. Đoàn Kết	Điện lực tỉnh
3	Giảm tổn thất điện năng cho các	DNL	0,12		0,12	P. Quyết	Điện

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư
	TBA có tỷ lệ TTDN>10%: Các TBA Pê Si Ngai, Nậm Há, Căn Ma, Ta Pung, huyện Sìn Hồ; TBA CQT5.2 thành phố Lai Châu; TBA Cốc Pa, huyện Tam Đường; TBA Huổi Mẩn, huyện Nậm Nhùn					Tiến	lực tỉnh
4	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực thành phố năm 2024	DNL	0,14		0,14	Phường Tân Phong, Quyết Thắng, Đông Phong, xã Sùng Phài, xã San Thàng	Điện lực tỉnh
5	Trụ sở phường Đoàn Kết	TSC	0,99		0,99	P. Đoàn Kết	Ban QLDA

- Số công trình dự án đề xuất không chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 25/144 công trình, dự án với diện tích 40,49 ha. Chi tiết như sau:

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư
1	Nâng cấp tuyến đường Võ Văn Kiệt kéo dài thành phố Lai Châu	DGT	1,72	0,06	1,66	P. Đông Phong	Ban QLDA
2	Trường tiểu học Đoàn Kết (Hạng mục hoàn trả đường giao thông)	DGT	0,31		0,31	P. Đoàn Kết	Ban QLDA
3	Khắc phục ngập úng dọc tuyến đường Đông Pao, bản Cẳng Đẳng, xã San Thàng	DTL	0,15		0,15	Xã San Thàng	Phòng Kinh tế
4	Kênh thoát nước tại trung tâm bản Lùng Than, xã San Thàng	DTL	0,05		0,05	Xã San Thàng	Phòng Kinh tế
5	Khắc phục, xử lý ngập úng tại bản Lùng Thàng, xã Sùng Phài	DTL	0,33		0,33	Xã Sùng Phài	Phòng Kinh tế
6	Kênh thủy lợi Cư Nhà La đến ngã ba Nông trường	DTL	0,66		0,66	xã Sùng Phài, P.	Phòng Kinh tế

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư
						Tân Phong	
7	Cống thoát nước từ khu dân cư số 1 ra suối Nậm Con Gin	DTL	0,10		0,10	P. Đông Phong	Phòng QLDT
8	Trụ sở phường Quyết Tiến	TSC	0,70		0,70	P. Quyết Tiến	Ban QLDA
9	Trụ sở xã San Thành (bổ sung diện tích)	TSC	0,04		0,04	Xã San Thành	Ban QLDA
10	Cải tạo khu nuôi nhốt gia súc tập trung bản Gia Khâu 1	NKH	0,31		0,31	Xã Sùng Phài	Phòng Kinh tế
11	Khu đô thị thiên đường Mác ca tỉnh Lai Châu	ODT	22,91		22,91	Phường Đoàn Kết, Tân Phong	Công ty Cổ phần Him Lam
12	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	1,59		1,59	P. Đoàn Kết	Hộ gia đình cá nhân
13	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,63		0,63	P. Đông Phong	Hộ gia đình cá nhân
14	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,65		0,65	P. Quyết Thắng	Hộ gia đình cá nhân
15	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	1,93		1,93	P. Quyết Tiến	Hộ gia đình cá nhân
16	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	1,86		1,86	P. Tân Phong	Hộ gia đình cá nhân
17	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ONT	0,41		0,41	Xã Sùng Phài	Hộ gia đình cá nhân
18	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ONT	1,27		1,27	Xã San Thành	Hộ gia đình cá nhân
19	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,41		0,41	P. Quyết Thắng	Hộ gia đình, cá nhân

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư
20	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,93		0,93	P. Quyết Tiến	Hộ gia đình, cá nhân
21	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,35		0,35	P. Đoàn Kết	Hộ gia đình, cá nhân
22	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,63		0,63	P. Tân Phong	Hộ gia đình, cá nhân
23	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,091		0,091	P. Đông Phong	Hộ gia đình, cá nhân
24	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ONT	2,19		2,19	Xã San Thành	Hộ gia đình, cá nhân
25	Đất ở xen kẹt trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ONT	0,33		0,33	Xã Sùng Phài	Hộ gia đình, cá nhân
	Tổng		40,55	0,06	40,49		

- Số công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 114 công trình dự án với tổng diện tích 239,60 ha. Chi tiết như sau:

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ KHSDD NĂM 2024		266,39	26,79	239,60				
1	Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai		59,49	6,58	52,91				
1.1	Đất giao thông		18,18	6,58	11,60				
1	Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do Ngân hàng phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài-Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)	DGT	18,18	6,58	11,60	Xã San Thàng, P. Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 949/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1630/QĐ-BGTVT ngày 30/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ	(đã thu hồi, GPMB, thi công xong) làm thủ tục giao đất;
1.2	Đất thủy lợi		9,42	0,00	9,42				
2	Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu	DTL	6,48		6,48	Xã San Thàng	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Quyết định số 4948/QĐ-BNN-XD ngày 20/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh (6,48 ha; LUA 3,11 ha); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)
3	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt	DTL	2,94		2,94	Xã San	Ban QLDA	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thành phố Lai Châu					Thàng		28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 14 trang 2 là 2,5; LUA 3,11); NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình; NQ số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 Phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	(đang thu hồi, GPMB); giao đất được một phần
1.3	Đất ở nông thôn		3,30	0,00	3,30				
4	Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu	ONT	3,30		3,30	xã Sùng Phài	Ban QLDA	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 2 trang 1 là 3,3); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB, đang thi công, chuẩn bị làm thủ tục giao đất)
1.4	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	17,64	0,00	17,64				
5	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu (khu B, C)	DTT	13,11		13,11	Xã San Thàng	Ban QLDA ĐTXD các CT dân dụng &	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 Của HĐND tỉnh Phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự	Chuyển tiếp (đang thực hiện)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Công nghiệp	kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 về việc phê duyệt dự án Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu	
6	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu (khu A)	DTT	4,53		4,53	P. Tân Phong	Ban QLDA ĐTXD các CT dân dụng & Công nghiệp	NQ số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 Của HĐND tỉnh Phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 Về việc phê duyệt dự án Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất); tăng diện tích thêm 0,36 ha
1.6	Đất an ninh	CAN	10,95	0,00	10,95				
7	Cơ sở làm việc Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động	CAN	10,95		10,95	Xã San Thàng	Công an tỉnh	NQ số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 (biểu 2: mục VI, trang 3); NQ số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 Phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất)
2	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;		202,67	20,21	182,46				
2.1	Xây dựng công trình quốc phòng (thuộc trường hợp tại Điều 78)		7,15	0,04	7,11				

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	Xây dựng trận địa SMPK 12,7mm trong khu vực phòng thủ thành phố Lai Châu	CQP	0,09	0,04	0,05	Xã San Thàng	Ban CHQS thành phố	Quyết định số 2562/QĐ-BCH ngày 10/10/2018 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt hồ sơ Thiết kế - Dự toán công trình: Trận địa súng máy phòng không 12,7 ly (Ký hiệu: TĐPK:LC-18)	Chuyển tiếp (Đã xong công tác thu hồi, GPMB; Đã thi công xong; thực hiện giao đất)
9	Xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố	CQP	4,00		4,00	Xã San Thàng	Ban CHQS thành phố	Quyết định số 152/QĐ-BTL ngày 22/1/2021 của Bộ tư lệnh quân khu 2 về việc phê duyệt quy hoạch vị trí xây dựng căn cứ chiến đấu	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
10	Xây dựng khối chắn trong thao trường tổng hợp	CQP	3,00		3,00	xã Sùng Phài	Bộ CHQS tỉnh	Quyết định 392/QĐ-BTL ngày 15/5/2018 của Bộ Tư lệnh Quân khu 2; Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình: Thao trường kỹ chiến thuật tổng hợp của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu;	Chuyển tiếp (Đã xong công tác thu hồi, GPMB; Đã thi công xong; thực hiện giao đất)
11	Xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố (Bổ sung thêm 02 trận địa súng máy phòng không 12,7 mm thuộc khu căn cứ chiến đấu thành phố)	CQP	0,06		0,06	Xã San Thàng	Ban CHQS thành phố	Quyết định số 152/QĐ-BTL ngày 22/01/2021 của Bộ tư lệnh quân khu 2 về việc phê duyệt quy hoạch vị trí xây dựng căn cứ chiến đấu; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình: Trận địa súng máy phòng không 12,7 mm trong khu vực phòng thủ thành phố Lai Châu	Chuyển tiếp (Đã xong công tác thu hồi, GPMB; Đã thi công xong; thực hiện giao đất)
2.2	Xây dựng công trình an ninh		0,94	0,00	0,94				

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<i>(thuộc trường hợp tại Điều 78)</i>								
12	Trụ sở công an xã Sùng Phài	CAN	0,74		0,74	Xã Sùng Phài	Công an tỉnh	Công văn số 4554/CAT-PH10 ngày 7/9/2023 của công an tỉnh về việc bố trí xây dựng trụ sở làm việc công an xã; Công văn số 7110/CAT-PHC ngày 29/11/2024 của Công an tỉnh Lai Châu Tổng hợp danh mục các công trình dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất cấp huyện	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất)
13	Trụ sở công an phường Đông Phong	CAN	0,2		0,2	P. Đông Phong	Công an tỉnh	Công văn số 4554/CAT-PH10 ngày 7/9/2023 của công an tỉnh về việc bố trí xây dựng trụ sở làm việc công an xã; Công văn số 7110/CAT-PHC ngày 29/11/2024 của Công an tỉnh Lai Châu Tổng hợp danh mục các công trình dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất cấp huyện	Chuyển tiếp; thực hiện giao đất
2.3	<i>Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 1, Điều 79)</i>		71,11	8,14	62,97				
14	Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất, thành phố Lai Châu (Tuyến số 01, tuyến số 03 và tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch tuyen cũ)	DGT	1,28	0,35	0,93	P. Đoàn Kết, Quyết Tiến, xã Sùng Phài	Ban QLDA	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (0,65); NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh (mục 6 trang 1 là 0,28);	Chuyển tiếp (Đã thực hiện thu hồi, GPMB và thi công xong tuyến số 03 và tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch tuyen cũ)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
15	Đường Đinh Bộ Lĩnh (Trong đó đấu giá đất ở là 0,06)	DGT+ODT	11,73	2,24	9,49	P. Đông Phong, Tân Phong	Ban QLDA	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 10 trang 1 là 0,15); NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh (Mục 9 trang 1 là 9,92); NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh (Mục 12 trang 2 là 1,4); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB); giao đất được một phần
16	Nâng cấp cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong	DGT	2,25		2,25	Xã San Thành, P Đông Phong	Ban QLDA	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 1 trang 7 là 1,2); NQ số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh (Mục 3 trang 4 là 1,05)	Chuyển tiếp (đã thi công xong, thực hiện thủ tục giao đất); dân hiến đất
17	Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So)	DGT	12,61	4,10	8,51	Xã San Thành	Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông Tỉnh Lai Châu	Nghị quyết 37/NQ-HĐND ngày 11/9/2023 của HĐND tỉnh (LUA 0,2 ha) (STT 1 mục VIII trang 2 biểu 2); Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh (8,51 ha; LUA 1,25 ha)	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
18	Tuyến đường từ QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài	DGT	9,22		9,22	Xã Sùng Phài, P Quyết Thắng, P. Quyết Tiến	Ban QLDA	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 11 trang 2 là 2,0); NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (7,22); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								duyet điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	
19	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng (Trong đó: Đấu giá đất ở và cấp tái định cư là 2,07 ha)	DGT + ODT	24,18		24,18	Các phường: Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng	Ban QLDA	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 1 trang 5 là LUA 1,5); Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 12 trang 2 là 3,5; LUA 1,5); NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 3 trang 1 là 6,57; LUA 0,5); NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (14,11; LUA 0,23); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)
20	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Sáo Làn Than tới bản Màng	DGT	1,15	0,40	0,75	P. Quyết Thắng	Ban QLDA	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp (đã thi công xong, thực hiện thủ tục giao đất); dân hiến đất
21	Đường ngõ xóm tổ 23 (Từ hộ ông Tạ Đức Hạnh)	DGT	0,03	0,02	0,01	P. Đông Phong	UBND phường	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh (Mục 7 trang 1, 0,01)	Chuyển tiếp (đã thi công xong, thực hiện thủ tục giao đất)
22	Đường ngõ xóm 24 (từ NVH tổ 24)	DGT	0,05	0,02	0,03	P. Đông Phong	UBND phường	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh (Mục 8 trang 1, 0,03)	Chuyển tiếp (đã thi công xong, thực hiện thủ tục)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
									giao đất)
23	Đường ngõ xóm Bản Tả Xin Chải (từ nhà Ông Máy đến nhà ông Luyến)	DGT	0,08	0,03	0,05	P. Đông Phong	UBND phường	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh (Mục 9 trang 1, 0,05)	Chuyển tiếp (đã thi công xong, thực hiện thủ tục giao đất)
24	Đường ngõ xóm tổ 23 (từ đường Trường Chinh)	DGT	0,07	0,03	0,04	P. Đông Phong	UBND phường	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh (Mục 10 trang 1, 0,04)	Chuyển tiếp (đã thi công xong, thực hiện thủ tục giao đất)
25	Đường ngõ xóm Bản Tả Xin Chải (từ nhà Ông Vàng Văn Nam- nhà Vàng Văn Hồ)	DGT	0,11	0,10	0,01	P. Đông Phong	UBND phường	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh (Mục 11 trang 2, 0,01)	Chuyển tiếp (đã thi công xong, thực hiện thủ tục giao đất)
26	Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại Lộ Lê Lợi	DGT	4,48		4,48	xã Sùng Phài; P.Tân Phong	Ban QLDA	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 13 trang 2 là 0,16); NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (4,32); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)
27	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Tả Chải	DGT	0,35	0,25	0,10	Xã Sùng Phài	UBND xã	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 3 trang 1 là 0,1; LUA 0,01); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	
28	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Suối Thầu	DGT	0,20	0,10	0,10	Xã Sùng Phài	UBND xã	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 4 trang 1 là 0,1); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	Chuyển tiếp (đã thi công xong, thực hiện thủ tục về đất đai)
29	Đường giao thông nội đồng bản Cù Nhà La, xã Sùng Phài	DGT	0,44	0,24	0,20	Xã Sùng Phài	UBND xã	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 5 trang 1 là 0,2; LUA 0,01); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	Chuyển tiếp (dân hiến đất, đã GPMB, đang thi công)
30	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km 26+250-Km26+800/QL4D, tỉnh Lai Châu	DGT	1,87		1,87	Xã Sùng Phài	Sở GTVT	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 7/12/2023 của HĐND tỉnh (0,56 ha; LUA 0,03 ha); Quyết định số 1369/QĐ-CĐBVN ngày 04/3/2024 của Cục đường bộ Việt Nam về việc phê duyệt Báo cáo KT-KT công trình: Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km26+250-Km26+800/QL4D, tỉnh Lai Châu; Văn bản số 459/UBND-KTN ngày 05/02/2024 về việc bố trí kinh phí để hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km26+250-Km26+800, Quốc lộ 4D	Chuyển tiếp; điều chỉnh lại diện tích, loại đất lấy vào
31	Đường giao thông nội đồng bản Cấn	DGT	0,30		0,30	Xã Sùng	UBND xã	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Cầu, xã Sùng Phài					Phài		28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 6 trang 1 là 0,3; LUA 0,02); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	(chưa thực hiện)
32	Đường giao thông nội đồng bản Lùng Thàng, xã Sùng Phài	DGT	0,20		0,20	Xã Sùng Phài	UBND xã	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 8 trang 1 là 0,2; LUA 0,11); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
33	Đường giao thông nội đồng bản Cẳng Đẳng, xã San Thàng	DGT	0,36	0,26	0,10	Xã San Thàng	UBND xã	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 9 trang 1 là 0,1; LUA 0,02); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
34	Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D (san gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu phía bắc QL4D thành phố Lai Châu)	DGT	0,15		0,15	P Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu (STT 1 trang 1 là 0,15)	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
2.4	Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 2, Điều 79)		2,67	0,00	2,67				
35	Nâng cấp, sửa chữa kênh từ đường tránh chợ San Thàng đến bản Thành Công	DTL	1,06		1,06	Xã San Thàng	Ban QLDA	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp (chưa thực hiện); quá

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
									hạn nghị quyết HĐND tỉnh
36	Nâng cấp kênh từ cầu Gia Khâu 2 đến kênh Lùng Thàng, xã Sùng Phài	DTL	1,61		1,61	Xã Sùng Phài	Ban QLDA	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp (chưa thực hiện); quá hạn nghị quyết HĐND tỉnh
2.5	Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 3, Điều 79)		18,07	5,76	12,31				
37	Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố	DCT	14,95	5,76	9,19	P. Đoàn Kết, Đông Phong, Tân Phong, Quyết Thắng, xã San Thàng	Ban QLDA	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Mục 10 trang 1 là 14,4); Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp (Đã thu hồi, GPMB, đang thi công)
38	Hệ thống thoát nước thành phố Lai Châu (giai đoạn II)	DCT	3,08		3,08	P. Quyết Thắng, P. Quyết Tiến	Ban QLDA	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp (đã thi công xong, thực hiện giao đất)
39	Khu dân cư số 1 giai đoạn II, thị xã Lai Châu (Hạng mục: Kênh thoát nước)	DCT	0,04		0,04	P Đông Phong	Ban QLDA	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 18 trang 2 là 0,04); Quyết định số	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	đất)
2.6	<i>Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 4, Điều 79)</i>		7,10	3,80	3,30				
40	Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lai Châu	DRA	7,10	3,80	3,30	Xã San Thàng	Ban QLDA ĐTXD các CT dân dụng & Công nghiệp	Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lai Châu;	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
2.7	<i>Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 5, Điều 79)</i>		5,17	0,00	5,17				
41	Cấp điện cho KDC sau TBA số 3, số 4, Hồng Thu Mông, nghĩa trang thành phố	DNL	0,04		0,04	Xã San Thàng	Điện lực tỉnh	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB); quá hạn Nghị quyết HĐND tỉnh
42	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Số 4.3, San Thàng 2, Số 3, Số 4, Số 4.4, TĐC 1.1, và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Bản Đông, 4.2, Khu 2D, số 6 GDD1, Phan Lìn, thành phố Lai Châu năm 2019	DNL	0,23		0,23	San Thàng, Sùng Phải, Đoàn Kết, Tân Phong, Quyết Thắng,	Điện lực tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 3 trang 7 là 0,23; LUA 0,05)	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Đông Phong			
43	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Số 5.2, KDC số 1 MR, Quyết Thắng, Tả Làn Than, Phan Chu Hoa, thành phố Lai Châu	DNL	0,30		0,30	San Thàng, Tân Phong, Đông Phong, Quyết Thắng	Điện lực tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 4 trang 7 là 0,3; LUA 0,09)	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)
44	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Lũng Than, Bản Đông 2, thành phố Lai Châu	DNL	0,14		0,14	Xã San Thàng, P. Đông Phong	Điện lực tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 5 trang 7 là 0,14; LUA 0,06)	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)
45	Cải tạo và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA Nùng Nàng, số 4, số 3, số 6, số 7, số 7A, chợ Nậm Loong, nghĩa trang, Quyết Tiến, thành phố Lai Châu	DNL	0,25		0,25	Xã San Thàng; các phường: Đoàn kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng	Điện lực tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 6 trang 7 là 0,25; LUA 0,06)	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)
46	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Bản Mới, Tả Sin Chải, TĐC1.1, KDC số 1 GĐ2, KDC số 2, Lao Tỷ Phùng, Sùng Phải B, Lán Nhi Thàng, Nùng Nàng, Suối Thâu, Hồng Thu Mông, và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho	DNL	0,56		0,56	Xã San Thàng, các phường: Đông Phong, Tân	Điện lực tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 7 trang 8 là 0,56; LUA 0,11)	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	các TBA: Số 6, số 8A, Hồng Thu Mán, thành phố Lai Châu năm 2020					Phong, Đoàn Kết, Quyết Tiến			
47	Công trình: 474 Phong Thổ - Mường So	DNL	0,67		0,67	Xã Sùng Phài, các phường: Quyết Tiến, Quyết Thắng	Điện lực tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 9 trang 8 là 0,67; LUA 0,24);	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)
48	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực thành phố Lai Châu và huyện Tam Đường năm 2021	DNL	0,58		0,58	Xã San Thành, P Quyết Thắng, Quyết Tiến, Đông Phong	Điện lực tỉnh	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB); quá hạn Nghị quyết HĐND tỉnh
49	Dự án đường dây 220kV Phong thổ-Than Uyên	DNL	1,72		1,72	xã Sùng Phài, xã San Thành	Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp; quá hạn Nghị quyết HĐND tỉnh
50	Dự án cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	DNL	0,08		0,08	xã Sùng Phài	Điện lực tỉnh	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp (đang thu hồi); quá hạn Nghị quyết HĐND tỉnh

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
51	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 5A, TT thương mại, 2A MR, 6 GD1A, 8-10, thành phố Lai Châu	DNL	0,22		0,22	P. Tân Phong	Điện lực tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 10 trang 8 là 0,22)	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)
52	Chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 8A, Bản mới, Phan Lin, Chợ Nậm Loỏng, TĐC 1.1, Sùng Chô, Sùng Phải, Tả Sín Chải, bản Lùng Cù, bản Cu Ty	DNL	0,38		0,38	Xã San Thàng, P. Quyết Tiến, P. Quyết Thắng, xã Sùng Phải	Điện lực tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 10 trang 8 là 0,36); Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh (0,02 ha; LUA 0,01 ha)	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)
2.8	Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 7, Điều 79		0,12	0,00	0,12				
53	Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm viễn thông thành phố	DBV	0,11		0,11	P. Quyết Thắng	Viễn thông Lai Châu	Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
54	Xây dựng trạm BTS thân thiện môi trường trên địa bàn Thành phố Lai Châu	DBV	0,006		0,006	P. Đông Phong, P. Tân Phong	Viễn thông Lai Châu	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
2.9	Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 8, Điều 79		0,52	0,00	0,52				
55	Xây dựng chợ Trung tâm Thành phố	DCH	0,52		0,52	P. Đoàn Kết	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ 658/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu để	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								quản lý, mở rộng chợ trung tâm thành phố Lai Châu tại phường Đoàn Kết	
2.10	<i>Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 11, Điều 79</i>		18,60	0,10	18,50				
56	Khu lâm viên thành phố Lai Châu	DKV	18,60	0,10	18,50	P. Tân Phong	Ban QLDA	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh (mục 12 trang 2 là 18,5); Tờ trình số 2890/TTr-UBND ngày 27/9/2023 của UBND thành phố Lai Châu về việc đề nghị cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Lai Châu	Chuyển tiếp (đã thu hồi, GPMB, đang thi công)
2.11	<i>Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 14, Điều 79</i>		6,60	0,00	6,60				
57	Mở rộng khuôn viên Bảo tàng tỉnh	DVH	1,23		1,23	P. Tân Phong	Sở văn hóa	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh (Mục 16 trang 2 là 0,58)	Chuyển tiếp (chưa thực hiện); quá hạn nghị quyết HĐND tỉnh
58	Nhà văn hóa các tổ dân phố 1;4;8;9;10;14;15;21	DVH	0,50		0,50	P. Tân Phong	UBND phường	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (hoàn thiện hồ sơ giao đất)
59	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - Dân tộc Giáy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu)	DVH	2,80		2,80	xã San Thàng	Ban QLDA	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 1 trang 1 là 2,8; LUA 0,25); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án,	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								công trình	
60	Nhà văn hóa bản Cẩng Đẳng (0,1); bản Lùng Than (0,07); bản Phan Lìn (0,17); bản Chín Chu Chải (0,04)	DVH	0,38		0,38	Xã San Thàng	UBND xã	Công văn 821/UBND ngày 20/10/2021 của UBND xã San Thàng	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
61	Nhà văn hóa bản Sùng Chô	DVH	0,10		0,10	Xã Sùng Phài	UBND phường, xã	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh (Mục 17 trang 2 là 0,1)	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
62	Nhà văn hóa tổ dân phố số 9	DVH	0,09		0,09	P. Quyết Thắng	UBND phường, xã	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh;	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
63	Nhà văn hóa bản Tả Xin Chải	DVH	0,05		0,05	P. Đông Phong	UBND phường	Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 và QĐ số 804/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
64	Nhà văn hóa tổ dân phố số 22 (0,05); số 23 (0,05); số 24 (0,04); số 25 (0,05); số 26 (0,05)	DVH	0,24		0,24	P. Đông Phong	UBND phường	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
65	Nhà văn hóa tổ dân phố số 28	DVH	0,05		0,05	P. Đông Phong	UBND phường	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
66	Nhà văn hóa bản Hồi Lùng (0,04); bản Gia Khâu 2 (0,07); bản Sin Páo Chải (0,04); bản Cư Nhà La (0,2)	DVH	0,35		0,35	Xã Sùng Phài	UBND xã	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
67	Nhà văn hóa các tổ dân phố 2;3;5;6;7;10;11; Thành Lập	DVH	0,50		0,50	P. Đoàn Kết	UBND phường	NQ số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh (TDP 11 là 0,03)	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
68	Nhà văn hóa tổ dân phố số 1, 2, 3, 5, 6, 8, 12	DVH	0,28		0,28	P Quyết Tiến	UBND phường	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
69	Nhà văn hóa bản Suối Thầu	DVH	0,03		0,03	Xã Sùng Phài	UBND xã	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu về giao kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu Quốc gia	Chuyển tiếp (thực hiện thủ tục giao đất)
2.12	<i>Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 15, Điều 79</i>		0,12	0,04	0,08				
70	Trạm y tế xã San Thàng	DYT	0,12	0,04	0,08	xã San Thàng	Ban QLDA	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (STT 2 trang 7 là 0,08)	Chuyển tiếp (đã thu hồi, GPMB, thi công xong; đang làm thủ tục giao đất)
2.13	<i>Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 16, Điều 79</i>		8,27	0,23	8,04				
71	Trường Tiểu học Đoàn Kết	DGD	2,01		2,01	P. Đoàn Kết	Ban QLDA	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh (Mục 5 trang 1 là 0,21); NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh (Mục 5 trang 1 là 1,80)	Chuyển tiếp (đã thu hồi, GPMB, thi công xong; đang làm thủ

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
									tục giao đất)
72	Trường THCS Đông Phong	DGD	2,37		2,37	P. Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp (đã thu hồi, GPMB, thi công xong) làm thủ tục giao đất
73	Trường THCS Quyết Tiến (nhà lớp học bộ môn)	DGD	2,23	0,23	2,00	P. Quyết Tiến	Ban QLDA	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp (đang thu hồi, GPMB, thi công xong)
74	Điểm trường Mầm non - Tiểu học bản Sùng Phài	DGD	0,30		0,30	Xã Sùng Phài	Ban QLDA	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp (đã thu hồi, GPMB, thi công xong)
75	Trường Tiểu học - THCS Sùng Phài	DGD	1,36		1,36	Xã Sùng Phài	Ban QLDA	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh (STT 16 trang 2 là 0,15); NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh (Mục 4 trang 1 là 1,21); Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình	Chuyển tiếp (đã thu hồi, GPMB, thi công xong)
2.14	Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 27, Điều 79		79,14	2,10	77,04				
76	Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân	ODT	20,00	2,10	17,90	P. Quyết	Trung tâm	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cur đô thị mới Bắc 4D					Tiến	phát triển quỹ đất	của HĐND tỉnh (Mục 7 trang 1 là 20,0)	(chưa thực hiện); quá hạn nghị quyết HĐND tỉnh
77	Đấu giá và giao đất khu dân cư Bắc 4D	ODT	1,02		1,02	P Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đất đã thu hồi	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
78	Cải tạo mặt bằng, đấu giá đất ở Trạm kiểm nghiệm công tơ	ODT	0,16		0,16	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm do giảm nhu cầu sử dụng đất; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý theo quy định	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
79	San gạt mặt bằng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 (Giai đoạn 2) lô 2, lô 3	ODT	2,00		2,00	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ số 2199 ngày 17/11/2021 của TP Lai Châu; NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh (Mục 13 trang 2 là 2,0)	Chuyển tiếp (chưa thực hiện); quá hạn nghị quyết HĐND tỉnh
80	San gạt mặt bằng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 (Giai đoạn 2) lô 4, lô 5	ODT	2,00		2,00	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh (Mục 14 trang 2 là 2,0)	Chuyển tiếp (chưa thực hiện); quá hạn nghị quyết HĐND tỉnh
81	Phát triển quỹ đất để cấp TĐC và	ODT	2,60		2,60	P. Đông	Trung tâm	Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đấu giá QSD đất khu dân cư 2B, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu					Phong	phát triển quỹ đất	31/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu để thực hiện dự án	(thực hiện giao đất, đấu giá)
82	Khu trung tâm thương mại và nhà ở phường Đông Phong	ODT	1,74		1,74	P. Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất tại địa bàn phường Đông Phong, thành phố Lai Châu; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
83	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất (phát triển quỹ đất ở khu 9 - khu dân cư số 2 phường Tân Phong (bổ sung)	ODT	0,18		0,18	P Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 1363/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thành phố Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
84	Khu đất đường Nùng Nàng (chia lô 15 xuất đất ở dự kiến bán đấu giá) cuối Đại lộ Lê Lợi	ODT	0,024		0,024	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
85	Các thửa đất còn lại dự án đường Nùng Nàng - Nậm Tăm (bám mặt tiền Đại lộ Lê Lợi)	ODT	0,053		0,053	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
86	Đấu giá đất ở	ODT	0,03		0,03	P Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
87	Diện tích đất dôi dư các dự án trên địa bàn phường Quyết Thắng	ODT	1,17		1,17	Quyết Thắng	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
88	Diện tích đất dôi dư các dự án trên địa bàn phường Quyết Tiến	ODT	1,07		1,07	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
89	Diện tích đất dôi dư các dự án trên địa bàn phường Đoàn Kết	ODT	0,34		0,34	P. Đoàn Kết	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
90	Diện tích đất dôi dư các dự án trên địa bàn phường Tân Phong	ODT	1,48		1,48	P. Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
91	Diện tích đất dôi dư các dự án trên địa bàn phường Đông Phong	ODT	1,53		1,53	P. Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
92	Khu đô thị trung tâm thương mại và nhà ở Lai Châu	ODT	3,48		3,48	P. Đoàn Kết	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
93	Đầu giá đất ở	ODT	0,03		0,03	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
94	Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D (lô 1, 2, 3, 4)	ODT	15,74		15,74	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
95	Giao đất ở (Nhà lớp học điểm trường San Thàng 2)	ONT	0,08		0,08	Xã San Thàng	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý	Chuyển tiếp
96	Giao đất ở (Nhà lớp học điểm trường mầm non Gia Khâu 2)	ONT	0,05		0,05	Xã Sùng Phài	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Trung tâm	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý	
97	Giao đất ở (Nhà lớp học điểm trường tiểu học và THCS Nậm Loỏng)	ONT	0,07		0,07	Xã Sùng Phài	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
98	Diện tích đất dôi dư các dự án trên địa bàn xã San Thàng	ONT	0,65		0,65	Xã San Thàng	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
99	Diện tích đất dôi dư các dự án trên địa bàn xã Sùng Phài	ONT	0,74		0,74	Xã Sùng Phài	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
3	Các dự án đầu tư và trường hợp cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai		4,23	0,00	4,23				
3.1	Đất thương mại dịch vụ	TMD							
100	Đất thương mại, dịch vụ Tổ 5	TMD	0,56		0,56	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
101	Đấu giá đất thương mại dịch vụ (Thửa đất thuộc tổ 5 giáp Ban quản lý công trình giao thông (khu nhà hàng, khách sạn)	TMD	0,24		0,24	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
102	Đấu giá đất thương mại dịch vụ	TMD	0,65		0,65	P. Tân	Trung tâm	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(thửa đất giáp đường Lò Văn Hặc, đường Trần Văn Thọ (sau DN Quảng Ba)					Phong	kỹ thuật Tài nguyên	30/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	(thực hiện giao đất, đấu giá)
103	Đấu giá đất thương mại dịch vụ tại tổ 9, phường Tân Phong	TMD	0,10		0,10	P. Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ 1584/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất trên địa bàn phường Tân Phong; giao cho UBND thành phố Lai Châu quản lý	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
104	Khu đất thuộc tổ 9 (Giáp doanh nghiệp Bảo Ân)	TMD	0,11		0,11	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
105	Khu đất phổ thương mại (7 thửa) cùng dãy nhà hàng Hoa Việt	TMD	0,17		0,17	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 30/6/2016; Quyết định số 821, 823, 824, 825/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
106	Đấu giá đất thương mại dịch vụ (thửa đất giáp đường Võ Nguyên Giáp)	TMD	1,20		1,20	P. Quyết Thắng	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
107	Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (cạnh Điện lực thành phố)	TMD	0,17		0,17	P. Quyết Thắng	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
108	Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cũ)	TMD	0,26		0,26	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dư thừa không có nhu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích HT (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu	
109	Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Trụ sở liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp sở Tư Pháp, Thư viện tỉnh, TT phát hành sách)	TMD	0,22		0,22	P. Đoàn Kết	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dư thừa không có nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
110	Đấu giá đất thương mại (Gần ngã tư đi Sin Hồ, UBND thành phố cũ)	TMD	0,16		0,16	P. Đoàn Kết	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
111	Đấu giá đất thương mại (Giáp đường Đặng Thai Mai, cạnh doanh nghiệp Tân Đức)	TMD	0,17		0,17	P. Đông Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
112	Đấu giá đất thương mại dịch vụ bám trục đường Phan Bội Châu tại tổ 9, phường Tân Phong	TMD	0,10		0,10	P. Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
113	Đấu giá đất thương mại dịch vụ tại trục đường Trần Quốc Mạnh, tổ 9, phường Tân Phong	TMD	0,05		0,05	P. Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)
114	Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Trụ sở làm việc sở Tài chính cũ)	TMD	0,07		0,07	P. Đoàn Kết	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (thực hiện giao đất, đấu giá)

2.3. Đánh giá chung kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.3.1. Ưu điểm

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Lai Châu được xây dựng trên cơ sở phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Lai Châu. Các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được đánh giá, phân tích, lựa chọn những công trình, dự án có nguồn vốn, chủ trương đầu tư và tính khả thi cao để tính nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực năm 2024; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố cơ bản đã đồng bộ, thống nhất trong công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp, cũng như quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực.

- Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2024 làm cơ sở pháp lý cho công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thành phố.

2.3.2. Tồn tại

Một số công trình vẫn chưa được thực hiện phần lớn là do chưa được bố trí vốn đầu tư, chưa giải phóng được mặt bằng xong. Một số công trình, dự án đầu tư lập hồ sơ đất đai chậm, một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, hoặc thiếu kinh phí bồi thường để giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Nhiều dự án đã thực hiện xong công tác thu hồi, GPMB, thi công xong; tuy nhiên chủ đầu tư chưa hoặc không hoàn thiện hồ sơ giao đất, dù UBND thành phố thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở.

2.3.3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của một số cơ quan, đơn vị chưa sát, bố trí nguồn vốn còn thiếu chủ động dẫn đến một số dự án được đăng ký lại không có kinh phí thực hiện, trong khi một số dự án không được đăng ký trước lại được bố trí nguồn vốn.

- Còn thiếu nguồn vốn đầu tư nên ảnh hưởng không nhỏ trong việc triển khai xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng... dẫn đến nhiều công trình quy hoạch bị kéo dài hoặc không được triển khai đúng thời gian, tiến độ.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được thực hiện giữa Luật đất đai năm 2013 và Luật Đất đai năm 2024 nên đã có những quy định đổi mới về việc lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Quy định về phân loại đất tại Điều 9 của Luật Đất đai năm 2024 và tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một

số điều của Luật Đất đai, dẫn đến một số chỉ tiêu loại đất phải thay đổi như: đất chăn nuôi tập trung; đất ở tại đô thị; đất xây dựng cơ sở môi trường; đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất có mặt nước chưa sử dụng;... Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành Thông tư quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dẫn đến việc đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất gặp khó khăn, tạm thời đánh giá kết quả thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ

Hiện nay, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lai Châu chưa được Chính phủ phê duyệt, do đó chưa có căn cứ để xác định chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh.

3.2. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025

Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực của các cấp, của các tổ chức, cá nhân trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 thành phố Lai Châu như sau:

Tổng diện tích tự nhiên là 9.687,99 ha. Trong đó:

- + Đất nông nghiệp là 6.869,83 ha chiếm 70,91% tổng diện tích đất tự nhiên;
- + Đất phi nông nghiệp 1.431,95ha chiếm 14,78% tổng diện tích đất tự nhiên;
- +Đất chưa sử dụng là 1.386,21ha chiếm 14,31% tổng diện tích đất tự nhiên.

Bảng 04: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 thành phố Lai Châu

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024		Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025		Biến động tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		9.687,99	100,00	9.687,99		
1	Đất nông nghiệp	NNP	7.025,15	72,51	6.869,83	70,91	-155,32
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.027,98	10,61	1.004,25	10,37	-23,73
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	0,42	0,00	0,42	0,00	
1.1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	1.027,56	10,61	1.003,83	10,12	-23,73
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.993,01	20,57	1.931,64	19,94	-61,37
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	806,37	8,32	755,40	7,80	-50,97
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.179,49	22,50	2.179,49	22,50	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024		Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025		Biến động tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	882,94	9,11	867,21	8,95	-15,73
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	121,60	1,26	112,92	1,17	-8,68
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	13,77	0,14	18,93	0,20	5,16
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.238,63	12,79	1.431,95	14,78	193,32
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	73,33	0,76	75,49	0,78	2,16
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	177,69	1,83	248,91	2,57	71,22
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	28,22	0,29	26,62	0,27	-1,60
2.4	Đất quốc phòng	CQP	63,32	0,65	70,19	0,72	6,87
2.5	Đất an ninh	CAN	50,82	0,52	51,96	0,54	1,14
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	166,05	1,71	187,97	1,94	21,93
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	13,44	0,14	14,63	0,15	1,19
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	8,93	0,09	8,93	0,09	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	18,56	0,19	18,26	0,19	-0,30
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	99,26	1,02	104,95	1,08	5,69
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	4,21	0,04	19,56	0,20	15,35
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	21,64	0,22	21,64	0,22	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	72,69	0,75	76,54	0,79	3,85
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	48,69	0,50	51,29	0,53	2,60
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,03	0,02	3,28	0,03	1,25
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	21,98	0,23	21,98	0,23	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	481,38	4,969	572,29	5,91	90,91
-	Đất công trình giao thông	DGT	360,33	3,719	414,53	4,28	54,20
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	35,55	0,367	39,88	0,41	4,33
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	10,08	0,104	25,45	0,26	15,37
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	3,14	0,03	3,14	0,03	
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	6,91	0,07	10,21	0,11	3,30
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	5,43	0,06	10,68	0,11	5,25
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,90	0,02	2,02	0,02	0,12
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,96	0,04	3,96	0,04	
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	54,07	0,56	62,42	0,64	8,35
2.9	Đất tôn giáo	TON	4,27	0,04	4,27	0,04	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024		Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025		Biến động tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.1	Đất tín ngưỡng	TIN	1,51	0,02	1,49	0,02	-0,02
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	31,57	0,33	31,57	0,33	0,00
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	78,66	0,81	75,53	0,78	-3,13
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	9,11	0,09	9,11	0,09	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.424,21	14,70	1.386,21	14,31	-38,00
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	74,88	0,77	50,91	0,53	-23,97
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	1.295,07	13,37	1.281,04	13,22	-14,03
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	54,25	0,56	54,25	0,56	

(Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2025 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã chi tiết tại Biểu 08/CH kèm theo)

3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2025

* Diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp năm 2025 là 155,32 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa: 21,43 ha.
- Đất trồng lúa: 21,43 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: 50,20 ha;
- Đất rừng sản xuất: 15,73 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 8,68 ha,

* Chuyển đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở là 9,41 ha

(Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã chi tiết tại Biểu 09/CH kèm theo)

3.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm 2025

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025 là 38,00 ha. Trong đó chuyển sang đất phi nông nghiệp là 38,00 ha, gồm:

- Đất ở tại nông thôn : 1,51 ha
- Đất ở tại đô thị : 15,25 ha
- Đất quốc phòng : 5,58 ha
- Đất an ninh : 0,20 ha
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp : 6,89 ha
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa : 1,59 ha
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,37 ha

- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	: 4,93 ha
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	: 3,86 ha
- Đất thương mại, dịch vụ	: 3,68 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 0,18 ha
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng	: 4,71 ha
- Đất công trình giao thông	: 2,83 ha
- Đất công trình thủy lợi	: 0,12 ha
- Đất công trình cấp nước, thoát nước	: 0,51 ha
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	: 0,01 ha
- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	: 0,11 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	: 1,13 ha

(Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm 2025 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã chi tiết tại Biểu 11/CH kèm theo)

3.5. Danh mục các công trình dự án thực hiện trong năm 2025

Tổng cộng có 139 công trình dự án với diện tích là 297,45 ha, trong đó:

- Có 114 công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2024 sang thực hiện năm 2025

(Chi tiết các công trình, dự án được thể hiện tại mục 2.2.4. Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2024)

- Có 22 công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2025, cụ thể như sau:

- Số công trình dự án đăng ký mới trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 22 công trình dự án với tổng diện tích 14,95 ha. Chi tiết như sau:

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ MỚI TRONG KHSDD NĂM 2025		14,95	0,00	14,95				
1	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;		8,36	0,00	8,36				
1.1	Xây dựng công trình an ninh (thuộc trường hợp tại Điều 78)		0,95	0,00	0,95				
1	Xây dựng trụ sở công an xã San Thành	CAN	0,20		0,20	Xã San Thành	Công an tỉnh	Công văn số 4554/CAT-PH10 ngày 7/9/2023 của Công an tỉnh về việc bố trí xây dựng trụ sở làm việc công an xã	Đăng ký mới
2	Trụ sở đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực I	CAN	0,75		0,75	P. Quyết Thắng	Công an tỉnh	Văn bản số 1930/UBND-TN ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về việc chủ trương điều chỉnh, mở rộng diện tích đất để xây dựng trụ sở đội cảnh sát PCCC&CNCH	Đăng ký mới (thực hiện giao đất)
1.2	Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 1, Điều 79)		0,10	0,00	0,10				
3	Bãi đỗ xe bán San Thành và các hạng mục phụ trợ	DGT	0,10		0,10	San Thành	UBND xã	Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương	Đăng ký mới
1.3	Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 5, Điều 79		0,11	0,00	0,11				
4	Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực thành phố và huyện Tam Đường - tỉnh Lai Châu	DNL	0,11		0,11	Phường Tân Phong, Quyết	Điện lực tỉnh	Văn bản số 4515/UBND-KTN ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc chấp thuận danh mục các công trình lưới điện trung và hạ	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thăng, Quyết Tiến, Đông Phong, xã San Thàng		áp triển khai trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025; Văn bản số 3315/PCLC-BQLDA ngày 29/10/2024 của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc về việc đề nghị chấp thuận triển khai các danh mục, công trình điện trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1236/QĐ-PCLC ngày 08/10/2024 của công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt BCKTKT đầu tư xây dựng	
1.4	<i>Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 12, Điều 79</i>		0,51	0,00	0,51				
5	Trụ sở UBND phường Đông Phong	TSC	0,51		0,51	P. Đông Phong	UBND phường	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới, để thực hiện giao đất
1.5	<i>Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 14, Điều 79</i>	DVH	0,30	0,00	0,30				
6	Nhà văn hóa tổ 27	DVH	0,14		0,14	Đông Phong	UBND phường	Công văn số 853/CV-UBND ngày 02/11/2024 của UBND phường Đông Phong về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất Nhà văn hóa tổ dân phố số 27 năm 2025	Đăng ký mới
7	Nhà văn hóa tổ 18	DVH	0,07		0,07	Tân Phong	UBND phường		Đăng ký mới
8	Nhà văn hóa bản Trung Chải	DVH	0,05		0,05	Xã Sùng Phài	UBND xã	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu về giao kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu Quốc gia	Đăng ký mới
9	Nhà văn hóa bản Tả Chải	DVH	0,04		0,04	Xã Sùng Phài	UBND xã	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu về giao kế hoạch đầu tư phát	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu Quốc gia	
1.6	Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 16, Điều 79	DGD	4,96	0,00	4,96				
10	Trường trung cấp dạy nghề Bắc Hà	DGD	1,30		1,30	Xã San Thàng	Công ty Bắc Hà	Văn bản số 4312/UBND-VX ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh Lai Châu V/v hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thành lập Trường Trung cấp Quốc tế Bắc Hà; Văn bản số 60/GDBH-TTC ngày 31/10/2024 của Công ty Cổ phần đầu tư giáo dục Bắc Hà về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất năm 2025 cho dự án trường trung cấp quốc tế Bắc Hà	Đăng ký mới
11	Trường THPT Quyết Thắng	DGD	3,66		3,66	Xã Sùng Phài	Sở GD-ĐT	NQ số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 Của HĐND tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới năm 2021; Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới; hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSD đất
1.7	Các công trình, dự án thuộc trường hợp tại Khoản 27, Điều 79	ODT	1,43	0,00	1,43				
12	Đấu giá đất ở (Nhà lớp học điểm phân hiệu 2, trường mầm non Hoa Ban)	ODT	0,07		0,07	P. Quyết Thắng	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý	Đăng ký mới
13	Giao đất TĐC và đấu giá QSDĐ ở tổ 26, phường Đông Phong, TP. Lai Châu	ODT	0,72		0,72	P. Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Tờ trình số 4367/TTr-UBND ngày 01/10/2024 của UBND thành phố Lai Châu về việc xin giao đất	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
14	Giao đất TĐC và đấu giá QSDĐ ở tổ 12, phường Quyết Tiến, TP. Lai Châu	ODT	0,15		0,15	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Tờ trình số 4367/TTr-UBND ngày 01/10/2024 của UBND thành phố Lai Châu về việc xin giao đất	Đăng ký mới
15	Giao đất TĐC và đấu giá QSDĐ ở Bản Màng, phường Quyết Thắng, TP. Lai Châu	ODT	0,27		0,27	P. Quyết Thắng	Trung tâm phát triển quỹ đất	Tờ trình số 4367/TTr-UBND ngày 01/10/2024 của UBND thành phố Lai Châu về việc xin giao đất	Đăng ký mới
16	Giao đất TĐC và đấu giá QSDĐ ở Bản Mới, xã San Thàng, TP. Lai Châu	ONT	0,11		0,11	Xã San Thàng	Trung tâm phát triển quỹ đất	Tờ trình số 4367/TTr-UBND ngày 01/10/2024 của UBND thành phố Lai Châu về việc xin giao đất	Đăng ký mới
17	Đấu giá Trường Tiểu học bản Tả Làn Than	ODT	0,08		0,08	P. Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
18	Đấu giá đất ở (Nhà công vụ)	ODT	0,03		0,03	Phường Đoàn Kết	Trung tâm phát triển quỹ đất	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
2	Các dự án đầu tư và trường hợp cá nhân chuyên mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai;		6,59	0,00	6,59				
2.1	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,13	0,00	0,13				
19	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu, gas và các sản phẩm hóa dầu	TMD	0,13		0,13	Xã San Thàng	Công ty TNHH MTV xăng dầu Lai Châu	Công văn số 1113/PLXLCh-QLKT ngày 3/11/2023 của công ty TNHH xăng dầu Lai Châu về việc đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất cửa hàng xăng dầu số 18 tại xã San Thàng	Đăng ký mới
2.2	Đất nông nghiệp khác	NKH	5,16	0,00	5,16				
20	Dự án chăn nuôi lợn của gia đình ông Phùng Gia Tiệp tại bản Phan Lìn, xã San Thàng	NKH	1,45		1,45	Xã San Thàng	Hộ gia đình, cá nhân	Công văn số 785/CV-UBND ngày 24/10/2024 của UBND xã San Thàng về việc rà soát, tổng hợp danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyên mục đích sử dụng đất năm	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								2025 tại xã San Thành	
21	Dự án chăn nuôi lợn của công ty TNHH MTV Thiên Long tại bản Phan Lìn, xã San Thành	NKH	3,71		3,71	Xã San Thành	Công ty TNHH MTV Thiên Long	Công văn số 2798/UBND-TH ngày 08/9/2021 về việc chấp thuận nghiên cứu khảo sát, đề xuất phương án đầu tư dự án chăn nuôi lợn tại bản Phan Lìn, xã San Thành, thành phố Lai Châu; Công văn số 785/CV-UBND ngày 24/10/2024 của UBND xã San Thành về việc rà soát, tổng hợp danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 tại xã San Thành	Đăng ký mới
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,30		1,30				
22	Điêm xây dựng khu giết mổ tập trung trên địa bàn thành phố Lai Châu	SKC	,30		1,30	Xã San Thành	Công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng số 39	Văn bản số 3484/UBND-TH ngày 20/9/2022 về việc phối hợp giải quyết đề xuất của công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng số 39 của UBND tỉnh Lai Châu; Văn bản số 16/CV-XD39 ngày 28/12/2023 của công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng số 39 về việc đăng ký danh mục nhu cầu sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất năm 2024 cho dự án: Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Lai Châu	Đăng ký mới
2.4	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các xã, phường	ODT + ONT	6,15		6,15	Các xã, phường	Hộ gia đình, cá nhân	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong năm 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được phê duyệt, cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

4.1. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư

Cân đối, bố trí kinh phí đảm bảo cho việc triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thành phố.

Khuyến khích tiết kiệm chi thường xuyên để tăng nguồn vốn đầu tư phát triển, đa dạng hóa nguồn thu của thành phố Lai Châu thông qua thu hút các thành phần xã hội tham gia đầu tư trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh để gia tăng lợi nhuận tích tụ và đóng góp cho thành phố Lai Châu.

Tiếp tục đổi mới chính sách tài chính về đất đai, chủ động điều tiết giá đất trong thị trường bằng quan hệ cung - cầu.

Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của nhân dân.

4.2. Các giải pháp, biện pháp về tổ chức thực hiện

Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, UBND thành phố tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện tới UBND các xã và đến người sử dụng đất, đảm bảo quản lý, sử dụng đất theo đúng kế hoạch đã được duyệt, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố và công bố công khai nội dung kế hoạch sử dụng đất cấp thành phố có liên quan đến xã tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thực hiện tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với những người dân bị mất đất sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, xây dựng khu công nghiệp, các khu dân cư mới... trên địa bàn

Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không đúng quy hoạch đã được duyệt.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Kết quả Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Lai Châu như sau: Tổng diện tích tự nhiên là 9.687,99 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp là 6.869,83 ha chiếm 70,91% tổng diện tích đất tự nhiên; Đất phi nông nghiệp 1.431,95ha chiếm 14,78% tổng diện tích đất tự nhiên; Đất chưa sử dụng là 1.386,21ha chiếm 14,31% tổng diện tích đất tự nhiên.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là cơ sở để chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố vừa phù hợp với điều kiện tự nhiên của thành phố, vừa đáp ứng được mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

5.2. Kiến nghị

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tạo điều kiện bố trí, hỗ trợ nguồn vốn thực hiện công trình, dự án trọng điểm; xem xét lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực thực hiện các dự án nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tốt tiềm năng lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất của thành phố.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành chức năng của tỉnh Lai Châu sớm xem xét phê duyệt kế hoạch sử dụng năm 2025 của thành phố để có căn cứ tổ chức thực hiện nhằm tăng cường công tác quản lý và sử dụng đất đúng pháp luật đất đai và hiệu quả hơn./.